

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/DS-ST
Ngày 14-8-2018
Vv tranh chấp về hui, họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;
2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp về hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1396/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn P2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt;

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt;
2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; cư trú tại: Thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn N: Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 7 năm 2018); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn P2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn P2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là

người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2018); có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị T1 đồng thời bà T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày: Ngày 10/8/2015, bà có chơi hụi có lãi với bà Huỳnh Thị T2, mỗi tháng bà đóng cho bà T2 2.000.000 đồng và đã đóng tất cả là 15 lần với tổng số tiền cả gốc và lãi là 30.000.000 đồng. Năm 2018, bà Huỳnh Thị T2 không trả tiền. Bà có đến nhà bà Huỳnh Thị T2 đòi nhưng bà Huỳnh Thị T2 chỉ hứa hẹn mà không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn N trả cho vợ chồng bà với số tiền là 30.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T2 xin trả 15.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 18 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N trình bày: Giữa bà và bà Lê Thị T1 ở cùng địa phương có quan hệ chơi họ, hụi trong đó bà là chủ hụi. Bà Lê Thị T1 tham gia chơi hụi của bà nhiều lần, quá trình chơi như thế nào bà không nhớ. Bà chỉ xác nhận đến nay bà nợ của bà Lê Thị T1 với số tiền 30.000.000 đồng. Do bị bề hụi nên bà không còn khả năng chi trả cho bà T1. Nay bà Lê Thị T1 yêu cầu bà trả số tiền 30.000.000 đồng bà đồng ý trả nhưng chỉ với số tiền là 15.000.000 đồng vì hiện nay kinh tế bà đang gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T1 và bà Huỳnh Thị T2 thống nhất khoản nợ mà bà Lê Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết là khoản nợ từ việc chơi hụi nên đây là tranh chấp về hụi, họ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Huỳnh Thị T2 cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu trả nợ của bà Lê Thị T1, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Huỳnh Thị T2 thống nhất thừa nhận đến nay bà còn nợ của bà T1 số tiền 30.000.000 đồng. Xét thấy việc chơi hụi xuất phát từ sự tự nguyện của hai bên, không được thực hiện dưới hình thức cho vay nặng lãi nên giao dịch này là hợp lệ. Bà Huỳnh Thị T2 xin được trả 1/2 số nợ là 15.000.000 đồng nhưng không được bà Lê Thị T1 đồng ý. Căn cứ vào Điều 471, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015, khoản 3 Điều 15 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, buộc bà Huỳnh Thị T2, ông phải có nghĩa vụ thanh toán một lần cho vợ chồng bà Lê Thị T1, ông Nguyễn Văn L số tiền là 30.000.000

đồng. Tuy chồng bà Huỳnh Thị T2 là ông Nguyễn Văn N không trực tiếp tham gia giao dịch hụi nhưng xét thấy việc bà T2 dùng lợi ích phát sinh từ giao dịch để đảm bảo đời sống gia đình nên áp dụng khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, cần buộc ông N có trách nhiệm cùng trả nợ chung với bà T2.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng bà Huỳnh Thị T2 và ông Nguyễn Văn N $30.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.500.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị T1 được chấp nhận nên bà Lê Thị T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 15 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn N phải trả cho vợ chồng bà Lê Thị T1, ông Nguyễn Văn L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Vợ chồng bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Lê Thị T1 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009634 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CCTHADS H.Tuy Phước;
- Phòng KTNV&THA TAND T.Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp